

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2026

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Thanh và ông Nguyễn Trọng Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 299/2025/TLST - HNGĐ, ngày 08/12/2025; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/05/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Hoàng Bảo C, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Số 307, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Đức T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn 5, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Hoàng Bảo C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Đức T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 17/02/2020 trên cơ sở tự nguyện, chúng tôi kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi thường xuyên nhậu nhẹt, bỏ bê không chăm vợ con, khi tôi mang bầu anh T không chăm lo mà còn phát sinh tình cảm với nhiều mối quan hệ bên ngoài, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong quá trình chung sống, anh T còn có tình trạng

bạo lực gia đình, lúc say anh T đánh đập tôi, nhiều lần như vậy dẫn đến tôi phải báo với công an phường nơi vợ chồng tôi thuê trọ. Đến tháng 3/2024 ông Lê Đức T tự ý bỏ đi khỏi nhà và về sinh sống tại thôn 5, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ, lên nhà năn nỉ tái hợp để có một gia đình trọn vẹn nhưng ông T không đồng ý, từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, ông T cũng bỏ bê con cái không quan tâm, cấp dưỡng. Xét thấy hiện nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Đức T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Lê Gia L, sinh ngày 14/5/2020, Lê Gia T, sinh ngày 25/11/2022, hiện nay các con chung đang được tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con sau khi ly hôn cho đến khi các con trưởng thành (trên 18 tuổi). Bản thân tôi hiện nay đang làm 02 công việc cùng một lúc, tôi hiện đang ở cùng mẹ tôi nên có người thân cùng giúp đỡ chăm sóc, giáo dục con chung, tôi có nhà ở và công việc ổn định và cũng có thời gian để chăm sóc các con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông Lê Đức T chu cấp tiền cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Lê Đức T tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 18/12/2025, bị đơn ông Lê Đức T trình bày:* Vợ chồng kết hôn ngày 12/10/2019, có 02 người con chung: Cháu Lê Gia L, Lê Gia T. Kết hôn sống chung đến 02/09/2023 vợ tôi có ngoại tình với đồng nghiệp. Do môi trường phức tạp, ảnh hưởng đến tâm lý của con, nên tôi có nguyện vọng xin được nuôi cháu Lê Gia L, giao cháu Lê Gia T cho bà C nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để ông Lê Đức T đến tòa tham gia tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông T không hợp tác dẫn đến vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/06/2026, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn ông Lê Đức T vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt

không lý do là vi phạm quyph, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Hoàng Bảo C. Cho bà Đỗ Hoàng Bảo C được ly hôn với ông Lê Đức T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Gia L, sinh ngày 14/5/2020, cháu Lê Gia T, sinh ngày 25/11/2022 cho bà Đỗ Hoàng Bảo C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức T với bà Đỗ Hoàng Bảo C tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hòa hợp, nên từ năm 2024 cho đến nay không còn sống chung với nhau. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn trên thực tế. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đỗ Hoàng Bảo C được ly hôn với ông Lê Đức T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, cả hai có 02 con chung: Cháu Lê Gia L, sinh ngày 14/5/2020 và cháu Lê Gia T, sinh ngày 25/11/2022.

Xét, từ thời điểm sống ly thân năm 2024 cho đến nay các con chung đang được bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù, tại bản tự khai ngày 18/12/2025, ông T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Lê Gia L, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông T không hợp tác đến tòa để chứng minh về điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc con chung của mình theo quy định tại Điều 91

của Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận nguyện vọng của ông T. Do đó, xét thấy hiện nay các con chung đang còn nhỏ, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần thiết giao các cháu Lê Gia L, Lê Gia T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Hoàng Bảo C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Hoàng Bảo C.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hoàng Bảo C được ly hôn với ông Lê Đức T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Lê Gia L, sinh ngày 14/5/2020 và cháu Lê Gia T, sinh ngày 25/11/2022 cho bà Đỗ Hoàng Bảo C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Lê Đức T được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Đỗ Hoàng Bảo C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005221, ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7- Đắk Lắk;
- UBND phường H, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Trí Lý